

Bản án số: 45/2025/DS-PT
Ngày: 11-3-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Bách là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn S, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ C, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Hồng C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

2. Chị Dương Thị Hồng X, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn S, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

3. Anh Dương Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số E đường Đ, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn S, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

4. Anh Võ Văn C2. (vắng mặt)

5. Anh Võ Văn T. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

6. UBND xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S1, chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Trụ sở: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

7. UBND huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T.

Trụ sở: Số 59 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, huyện T, Bình Định

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Văn S trình bày:

Nguyên thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18 tại Đ, P, T, T là khi vợ chồng ông vào HTX thì được giao, loại đất trồng cây hàng năm khác (không nhớ rõ năm tháng) và gia đình ông trực tiếp canh tác đến khi được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó hộ ông được cấp nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất này (tuy nhiên, khi đó thửa đất không phải mang số hiệu 491), diện tích ban đầu của thửa đất này là bao nhiêu thì ông cũng không nhớ rõ. Khi nhà nước có chủ trương cấp đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu thì hộ gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thửa đất, trong đó có thửa đất 491. Tại thời điểm được cấp đất ban đầu thì hộ gia đình ông gồm 04 người: ông, vợ Võ Thị Hồng C1, 2 con là Dương Văn L và Dương Thị Hồng X.

Quá trình sử dụng đất: phía Tây thửa được cấp của ông có 01 đám đất hoang, không người sử dụng. Từ thời điểm vợ chồng ông nhận đất thì đã tiến hành mở rộng, khai hoang. Năm 2009, hộ ông được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 491 được cấp riêng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành AN 273759 do UBND huyện ký ngày 05/5/2009), khi đó thửa đất này mới mang số hiệu là 491, tờ bản đồ số 18, diện tích là 1.525m².

Năm 2015 để tiện việc sử dụng đất thì vợ chồng ông với ông Võ C có tiến hành việc hoán đổi đất, chỉ thỏa thuận miệng, không xác định thời hạn đổi đất, chỉ giao hẹn là khi bên nào cần lấy lại đất thì thông báo và bên kia phải giao trả đất. Theo đó, vợ chồng ông sử dụng 01 thửa đất của ông Võ C, còn giao ông Võ C sử dụng thửa đất số 491 nói trên. Đến đầu năm 2021 thì gia đình ông C đòi lại thửa đất của ông Võ C mà hộ ông đang canh tác. Ông đã giao trả đủ thửa đất cho bên ông C, nhưng bên ông Võ C không hoàn trả đầy đủ diện tích thửa đất 491 cho gia đình ông, chỉ trả lại ông khoảng 01 sào, phần còn lại trên 1.000m² thì ông C tiếp

tục quản lý, sử dụng; sau đó ông đòi nhiều lần nữa nhưng bên ông Võ C không chịu hoàn trả đất. Thực tế đo đạc thì hộ ông cạnh tác chỉ 661,1m² phía đông thửa đất, phần còn lại phía Tây thửa 491 ông C đang cạnh tác (835,9m²).

Nay ông yêu cầu Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật buộc ông Võ C phải hoàn trả cho gia đình ông đầy đủ diện tích 835,9m² đất (đảm bảo diện tích thửa đất của ông theo đúng diện tích được cấp của thửa 491, tờ bản đồ số 18, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 273759 do UBND huyện ký ngày 05/5/2009). Ngày 20/8/2024 ông còn yêu cầu hủy bỏ QĐ số 3953/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện T, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu này. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Võ C trình bày:

Ông là hàng xóm của ông Dương Văn S. Thửa đất số 1084, tờ bản đồ số 18 là đất gia đình ông cạnh tác, sử dụng, có xây dựng nhà ở. Liên kề nhà đất của ông có đám đất hoang, có mương nước thủy lợi cũ. Trong quá trình sử dụng đất ông có phá bỏ 01 mương nước thủy lợi cũ không sử dụng nữa, mở rộng phần đất liên kề thửa 1084 và cạnh tác liên tục từ năm 1994 cho đến nay. Còn thửa đất của ông Dương Văn S là thửa 491 (mới) nằm kề bên đám đất ông khai phá, cạnh tác. Hai bên sử dụng đất không có tranh chấp gì. Khoảng năm 2003, ông Dương Văn S có đề nghị đổi thửa đất tục danh Vườn Đò, Bờ C3 (P, T, T) của ông để ông S cạnh tác và đưa ông cạnh tác thửa đất kề bên (sau này cấp đổi là thửa 491) của ông S. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập văn bản gì. Diện tích đất ban đầu ông S đổi cho ông chỉ khoảng 1 sào. Đến năm 2021, ông S đòi đất, ông đã trả lại đủ 1 sào đất mà ông S đổi cho ông năm 2003. Đối với phần diện tích còn lại là khoảng 02 sào đất (là phần đất ông khai hoang, vỡ hóa), ông khai thác, quản lý liên tục từ năm 1994 cho đến nay (hiện trồng cỏ voi và mì trên đất) nên không đồng ý giao trả ông S. Nếu nhà nước yêu cầu thu lại thì ông chặt cỏ voi và mì để trả đất trồng cho nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Hồng C1 trình bày: Bà là vợ ông Dương Văn S. Bà hoàn toàn thống nhất như lời khai và yêu cầu của Dương Văn S. Nguồn gốc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18 là đất gia đình bà được nhà nước chỉ định giao vào thời gian sau giải phóng 1975. Thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.525m² (đất trồng cây hàng năm khác) là đất cấp cho hộ gia đình bà. Ông S đã đổi đất với ông Võ C, nay hai bên hủy bỏ việc đổi đất, bên vợ chồng bà đã trả đủ thửa đất cho ông C nhưng ông C không chịu trả đủ diện tích thửa đất số 491, mới chỉ trả khoảng 660m², còn lại chiếm giữ 835,9m². Bà yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả lại 835,9m² đất thuộc thửa 491 mà hiện ông C đang chiếm giữ cho gia đình bà toàn quyền sử dụng.

2. Anh Dương Văn L, chị Dương Thị Hồng X do ông Dương Văn S đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh chị là con ông Dương Văn S và bà Võ Thị Hồng C1 nên anh chị hoàn toàn thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông S bà C1.

3. Anh Võ Văn C2, Võ Văn T thống nhất trình bày: Thống nhất toàn bộ như

cha các anh là ông Võ C đã trình bày và yêu cầu. Phần diện tích đất hiện nay ông Võ C đang quản lý thì các anh cùng cha đang trồng cỏ voi và mì. Nếu nhà nước yêu cầu thì chặt cỏ voi và mì trả đất cho nhà nước, không đồng ý giao trả đất cho ông Dương Văn S.

4. *UBND xã T, huyện T trình bày:* Nguyên thửa đất số 231, tờ bản đồ số 2, diện tích 450m² (loại đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định là đất được cân đối giao quyền cho hộ bà Võ Thị Hồng C1, ông Dương Văn S theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ. Đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 831136, sổ vào sổ E. Tại thời điểm cấp đất thì hộ bà C1 có 04 nhân khẩu gồm: ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1, 02 con là: Dương Văn L và Dương Thị Hồng X. Liền kề phía Nam thửa đất số 231 nói trên là thửa đất số 238, tờ bản đồ số 2, là loại đất chưa sử dụng, do UBND xã T quản lý.

Đến năm 2009, thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đăng ký thống kê (theo bản đồ hệ tọa độ chính quy VN2000) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 20/8/2009. Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02 nói trên của hộ bà Võ Thị Hồng C1 đã được cấp đổi thành thửa đất số 491, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.525m², loại đất trồng cây hàng năm khác; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 273759, sổ vào sổ H05849 do UBND huyện T cấp ngày 05/5/2009. Qua rà soát bản đồ và kiểm tra thực tế thì thửa đất số 491, tờ bản đồ số 19 đã đo gộp thửa đất số 231, tờ bản đồ số 2, diện tích 450m² và một phần thửa đất số 238, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.075m² làm một.

Vào năm 2015 gia đình bà C1, ông S có thoả thuận miệng với ông Võ C về việc đổi đất để tiện cho việc canh tác: ông C canh tác thửa đất số 491 của gia đình ông S, còn ông S canh tác thửa Vườn Đồi của hộ ông Võ C. Đến năm 2021 hai bên thoả thuận trả lại đất thì phát sinh mâu thuẫn. Ông Võ C trả lại diện tích đất đúng theo diện tích thửa đất 231 cũ là 450m². Ông S, bà C1 cho rằng ông C trả thiếu mất 1.075m² (là diện tích thửa đất số 238, tờ bản đồ số 2 - hiện ông C đang quản lý, canh tác) nên đã khiếu nại đến UBND xã T.

Căn cứ các quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan, UBND xã T đã tiến hành hòa giải, đối thoại với hộ bà C1, ông S. Giải thích các quy định pháp luật nhưng hộ gia đình bà C1, ông S không đồng ý và khiếu nại đến UBND huyện T. UBND huyện T đã có Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 không chấp nhận khiếu nại đòi đất của ông Dương Văn S. Ông S đã khiếu nại đến UBND tỉnh B nhưng sau đó rút khiếu nại và khởi kiện ông Võ C ra Tòa.

5. *UBND huyện T trình bày:* Hộ ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1 được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02, diện tích 450m² (đất trồng cây hàng năm khác, tại P, T, T). Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 831136, sổ vào sổ 552/M (do UBND huyện T cấp). Đến năm 2009, thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất theo đăng ký thống kê (theo bản đồ hệ tọa độ chính quy VN2000) được

Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 20/8/2009 đã cấp đổi lại cho hộ ông Dương Văn S thành thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18, diện tích là 1.525m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 273759, số vào sổ H 05849 do UBND huyện T cấp ngày 05/5/2009. Qua rà soát bản đồ 299 thì thửa đất 491 này đã do gộp thửa đất 231, tờ bản đồ số 02, diện tích 450m² (đất cấp lần đầu cho hộ ông S) và diện tích 1.075m² đất (một phần) thuộc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 02, loại đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý.

Thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18 khi thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đăng ký thống kê (theo bản đồ hệ tọa độ chính quy VN2000) có biến động, vì: Đã do gộp diện tích thửa đất số 231 (cũ) đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông S (theo Nghị định 64/CP) và một phần diện tích của thửa đất 238 (cũ) loại đất chưa sử dụng, do UBND xã quản lý. Do đó, thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.525m² loại đất trồng cây hàng năm khác, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1 là không đúng quy định pháp luật.

Năm 2023, ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1 khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ Văn bản số 811/UBND-KTN ngày 24/5/2023 của UBND huyện T về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Dương Văn S và Thông báo số 218/TB-UBND ngày 24/5/2023 của UBND huyện T về việc thông báo thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 273759 đã cấp cho ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1.

Kết quả giải quyết khiếu nại của UBND huyện T: Qua thẩm tra, xác minh và tổ chức đối thoại với ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1. Ngày 17/7/2023 UBND huyện T ban hành Quyết định số 3953/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông S, bà C1 với nội dung: Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành AN 273759, số vào sổ H 05849 do UBND huyện T cấp ngày 05/5/2009 cho hộ ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1 tại thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.525m² loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thôn P, xã T, huyện T là không đúng quy định (lý do: đã nêu trên). Diện tích 1.075m² đất nêu trên, từ trước đến nay hộ bà C1, ông S không có canh tác, sử dụng; đất do UBND xã quản lý, hiện gia đình ông Võ C đang sử dụng, UBND xã T chưa xử lý.

Việc ông Dương Văn S yêu cầu trả lại diện tích 1.075m² đất nói trên là không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn S, yêu cầu của bà Võ Thị Hồng C1, chị Dương Thị Hồng X, anh Dương Văn L đòi ông Võ C trả lại diện tích đất 835,9m² hiện ông Võ C đang canh tác (thuộc thửa đất số 238 cũ, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T) vì không có cơ sở, không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Không xem xét giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn S vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và ông S không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 27 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông Dương Văn S kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND của UBND huyện T ngày 17/7/2023; hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện T và yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo tuyên buộc ông Võ C trả lại diện tích đất 835,9m² mà ông Võ C đang lấn chiếm của hộ gia đình ông.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn S, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Võ C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn C2, anh Võ Văn T, Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân huyện T. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự lần thứ hai. Do đó, theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh tại cơ quan quản lý đất đai UBND xã T, UBND huyện T thì HĐXX có đủ cơ sở để xác định hộ ông Dương Văn S, bà Võ Thị Hồng C1, chị Dương Thị Hồng X, anh Dương Văn L được nhà nước xem xét cân đối giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ thừa đất số 231, diện tích 450m² là đất trồng cây hàng năm khác, tại thôn P, xã T, huyện T đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 831136, sổ vào sổ 552/M

Đến năm 2009, thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất theo đăng ký thống kê (theo bản đồ hệ tọa độ chính quy VN2000) được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B ký duyệt ngày 20/8/2009 đã cấp đổi lại cho hộ ông Dương Văn S từ thửa 231 thành thửa đất số 491, tờ bản đồ số 18, diện tích là 1.525m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 273759, sổ vào sổ H 05849 do UBND huyện T cấp ngày 05/5/2009. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất năm 2009 làm tăng diện tích đất cấp cho hộ ông S 1.075m² là do sai sót trong việc đo đạc đã đo gộp một phần (1.075m²) của thửa đất số 238, tờ bản đồ số 02, loại đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý vào thửa đất số 231 thành thửa mới là 491, tờ bản đồ 18, diện tích 1.575m². Sai sót này UBND huyện T đã nêu rõ trong văn bản số 170/TNMT-QLĐĐ ngày 09/7/2024 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm và Công văn số 53/UBND-ĐC ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã T. Do đó HĐXX có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp do UBND xã quản lý đã cấp nhầm cho hộ gia đình ông S nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn S về việc yêu cầu ông Võ C trả lại diện tích đất 835,9m² là có cơ sở.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn S thì tại cấp sơ thẩm ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX sơ thẩm không xem xét giải quyết là có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn S. Do đó, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn S phải chịu 300.000 đồng.

[5] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn S, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 164, 246 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 12, 26, 166, 167, 203 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn S đòi ông Võ C trả lại diện tích đất 835,9m² (hiện ông Võ C đang canh tác thuộc thửa đất số 238

cũ, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định) vì không có cơ sở, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Không xem xét giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn S.

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn S phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003783 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án huyện T (đã nộp xong).

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tn;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng